|  |  |
| --- | --- |
|  | **SOF303** |

**Kiểm thử cơ bản**

**Workshop 2**

Giảng viên hướng dẫn : Thầy. Phan Viết Thế

Nhóm : No.05

Thành viên : Tăng Phước Sang

Lớp : UD16101

MSSV : Ps14673

1. **Phân tích đặc tả dự án AB-SD:**

**1. Giới thiệu**

Công ty AB cần 1 kho lưu trữ các dịch vụ mà họ cung cấp với tên gọi là Services Directory (Danh mục dịch vụ).

1. **Mục tiêu**

Tài liệu này mô tả các yêu cầu chức năng (trong tài liệu Use Case) và phi chức năng của Services Directory.

Tại thời điểm viết phiên bản, các yêu cầu cần được thảo luận, điều tra và phân tích thêm trước khi được ghi chép. Các yêu cầu được nêu là TDB – To Be Details (mô tả chi tiết).

1. **Phạm vi**

Phạm vi của tài liệu dành cho Services Directory sẽ bao gồm tất cả các giao diện đã được yêu cầu.

1. **Nội dung thực hiện kiểm thử**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Type Test** | **Implementation Strategy** | **Performer** |
| **Unit Test** | Loại kiểm thử này được chạy bởi developer trước khi cài đặt để chuyển giao cho đội kiểm thử thực hiện những test case chính thống  Unit test được developer chạy tương ứng cho từng đơn vị mã nguồn.  Developer sử dụng bộ dữ liệu kiểm thử từ test case để đảm bảo chất lượng  Giảm chỉ phí khi sửa chữa, update | Coder |
| **Integrated Test** | Là công việc kiểm thử tích hợp 1 nhóm các module riêng lẻ với nhau cùng với các Unit  test riêng lẻ trong từng module  Một dự án phần mềm điển hình bao gồm nhiều module phần mềm được code bởi nhiều người khác nhau. Tích hợp thử nghiệm tập trung vào kiểm tra truyền dữ liệu giữa các module  Kiểm thử tích hợp được định nghĩa là kiểm tra dựa trên việc kết nối các thành phần của chương trình để xác định xem chức năng đó chạy đúng hay không  Có hai kiểu : Tích hợp từ dưới đi lên ( Bottom-up integration)  **Bottom Up**: Việc kiểm thử được bắt đầu bằng unit test , sau đó sẽ đi đến level cao hơn đó là kết hợp các thành phần và chức năng của hệ thống  **Top Down**: Những mô đun cấp cao nhất được thử nghiệm đầu tiên và dần dần, module thấp hơn được thử nghiệm sau đó | Coder & Tester |
| **System Test** | Là quá trình kiểm tra của một sản phẩm đã hoàn chỉnh và tích hợp đầy đủ sau khi Integration Test và Unit Test  Thông thường 1 sản phẩm phần mềm chỉ được test trên 1 vì môi trường demo, nhưng system test đảm bảo cho hệ thống vận hành trên nhiều môi trường khác nhau, tích hợp nhiều phần mềm và hê thống khác nhau  System test phụ thuộc loại kiểm thử hộp đến. System liên quan đến các hoạt động bên ngoài của phần mềm từ quan điểm của người sử dụng | Tester & User |
| **User Acceptance**  **Test** | Kiểm thử chấp nhận của người dùng có nghĩa là kiểm thử xem phần mềm đã thỏa mãn tất cả yêu cầu của khách hàng và khách hàng chấp nhận sản phẩm (và trả tiền thanh toán hợp đồng). Hay không? Cụ thể hơn UAT trả lời cho những câu hỏi sau:  - "Cái mình làm ra có phải là cái User muốn  không?"  - "User có cảm thấy nội dung ghi trong  website là cái họ đang tìm?"  - "User có dễ dàng hiểu và xử lý vấn đề khi  gặp lỗi không?"  Đây thường là bước cuối cùng trước khi sản  phẩm được đưa ra hoạt động hoặc trước khi phân phối sản phẩm phải được chấp nhận | User |

|  |  |
| --- | --- |
| **Type Test** | **AB-SD** |
| **Unit Test** | * Log Out & Log In * Include In-active (Checkb box) * Lỗi không sắp xếp theo thứ tự * Validation fields * Lỗi layout |
| **Integrated Test** | * Khi Click “Forgot Password” trên giao diện đăng nhập có hiện ra giao diện nhập user và email: * Sai username va email -> hiện message “Username and Email do not match” * Đúng cả username và email -> hệ thống sẽ gửi password tới email * Click vào “Organisation” từ menu sau khi đăng nhập, “Organisation list” hiện ra Organisations đang hoạt động (mặc định) với 15 record cho mỗi page * (Sau khi đã nhấn Include In-active) Nếu người dùng chọn 1 Organisation đang in-active hệ thống sẽ hiện ra message “Do you want to make this Organisation active” với 2 nút “Ok” và “Cancle” * Nếu “Ok” Organisation Details sẽ mở và hệ thống tự động đổi Organisation từ in-active sang active * Nếu “Cancle” Organisation vẫn như cũ * Click vào “Create” trong Organisation list sẽ hiện ra Window Organisation Details với 2 tab “Detail 1” và “Detail 2” để user nhập vào các fields để tạo mới 1 Organisation * Detail 1 by default tất cả các trường đều phải trống, checkbox chưa được tick. Trước khi save những fields có \* không được bỏ trống, tên “Organisation Name” không được trùng, click “Lookup” của “Lead Contact” sẽ hiện tất cả các liên hệ thông qua 1 cửa sổ pop-up tham chiếu từ bảng contacts, click “Lookup” của “Post Code” sẽ hiện tất cả các mã bưu chính thông qua 1 cửa sổ pop-up tham chiếu từ bảng Address, click “Lookup” của “Type of Business” sẽ hiện tất cả các loại doanh nghiệp, mã doanh nghiệp thông qua 1 cửa sổ pop-up tham chiếu từ bảng Type of Business, Nation/Coutry có tham chiếu từ bản Country, Nếu Post-Code tồn tại -> Post-Code được chọn, không tồn tại trên database thì Message “Address Details cannot be confirmed – Do you wish to enter Unconfirmed Address Data (Y/N)” -> Chọn “Y” thêm Post-Code mới vào database , nếu “N” quay về vị trí cũ, Nếu tick “Expression of Interest” detail 3 sẽ hiện ra * Detail 2 tất cả danh sách các danh mục dịch vụ được tham chiếu từ cơ sở dữ liệu * Detail 3 tất cả sẽ được hiện các chương trình và dịch vụ đang hoạt động * Nhấn “Save” validate dữ liệu của 3 Details -> Nếu sai sẽ hiện message báo lỗi, nếu đúng hiện Detail 4, Detail 5, và Directorates bổ sung , sửa đổi thông tin cho 1 Organisation mới ,1 Organisation mới được lưu vào database hiện thông báo thành công * Click “Back” trờ lại window Organisation list * Click vào chọn 1 Organisation (đang hoạt động) từ danh sách, Organisation Detail sẽ hiển thị trên màn hình, cho phép User có thể sửa đổi các trường hiển thị trong các tab. Trong chế độ “Amend”, 3 tab bổ sung sẽ được hiển thị * Detail 4: Có 1 số trường bổ sung được truy xuất từ hệ thống POSTZON có liên quan đến postcode Organisation đều phải ở chế độ read-only * Detail 5: Nếu người dùng thay đổi Address field, khi nhấn “Save”, hệ thống sẽ báo “The Address has been changed, do you want to save new Address?” (Y/N) -> Chọn “Y” hệ thống lưu giá trị Address mới, ngược lại giá trị Address sẽ được giữ nguyên * User có thế đánh dấu chọn các Organisation đang hoạt động bằng cách nhấn vào nút “In-active” trên màn hình chi tiết. Nếu xuất hiện thông báo “This Organization is already in use, do you want to make this in-active?” should be displayed with two buttons” có 2 nút “OK” và “Cancel” * Nhấn “OK”, Organisation chuyển thành “In-active” * Nhấn “Cancel” giữ nguyên trạng thái cũ. |
| **SystemTest** | * Kiểm tra các yêu cầu đặc tả về sản phẩm đã hoàn chỉnh * Xử lý các sự kiện không có lỗi |
| **User Acceptance Test** | * Kiểm tra sản phẩm đúng theo yêu cầu lúc đầu * Thỏa mãn các tiêu chí đã thống nhất |

**-----THE END-----**